

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/DS-ST
Ngày 20 tháng 5 năm 2019
Tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Võ Sỹ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê A N**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, đường NTT, k1, p8, tp CM, tỉnh CM.

Bị đơn: Ông **Nguyễn V N**, sinh năm 1973 (có mặt)

Bà **Đoàn T H**, sinh năm 1970 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu đô thị HT, ấp B S, xã LVL, tp CM, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2018 và biên bản ghi lời khai ngày 09/02/2019, nguyên đơn ông Lê A N trình bày: Trước đây ông có cho ông Nguyễn V N vay tiền nhiều lần, tổng số tiền vay là 270.000.000 đồng, mỗi lần vay thì giữa ông và ông N có làm biên nhận nợ. Cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 07 tháng 11 năm 2016 vay 20.000.000 đồng;
- Ngày 08 tháng 11 năm 2016 vay 50.000.000 đồng;
- Ngày 19 tháng 12 năm 2016 vay 100.000.000 đồng;
- Ngày 26 tháng 12 năm 2016 vay 40.000.000 đồng;
- Ngày 01 tháng 01 năm 2017 vay 20.000.000 đồng;

- Ngày 14 tháng 02 năm 2017 vay 20.000.000 đồng;
- Ngày 27 tháng 02 năm 2017 vay 20.000.000 đồng.

Ông N xác định những lần ông cho ông V N vay tiền thì chỉ có ông với ông N. Ông N là người trực tiếp nhận tiền. Khi vay và giao tiền thì không có mặt bà Đoàn T H là vợ của ông N. Tuy nhiên thời điểm ông N vay tiền của ông thì giữa ông N và bà H vẫn còn là vợ chồng, do đó ông khởi kiện yêu cầu ông N và bà H có trách nhiệm chung là trả nợ cho ông bao gồm tiền vốn vay là 270.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày 07/3/2017 đến ngày 25/12/2018 là 21 tháng bằng số tiền 56.700.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/02/2019, bị đơn bà Đoàn T H trình bày: Bà và ông Nguyễn V N là vợ chồng nhưng vào tháng 9/2017 thì bà và ông N đã ly hôn theo bản án số 226/2017/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Khi làm thủ tục ly hôn thì bà và ông N vẫn sống chung gia đình tại số nhà 26, Khu đô thị HT, ấp BS, xã LVL, tp CM, tỉnh CM. Khi tòa án giải quyết ly hôn xong thì ông N không còn sống tại địa chỉ nêu trên, hiện nay ông N sống ở đâu thì bà không biết. Trước khi ly hôn thì bà và ông N đã ly thân khoảng 10 năm nay, vợ chồng chỉ sống chung gia đình nhưng không có sinh hoạt chung, mọi giao dịch của ông N ở bên ngoài xã hội thì bà không biết.

Bà xác định việc ông N vay tiền của ông Lê A N thì bà không biết, nếu ông N có vay tiền của ông N thì đây là nợ riêng của ông N, không liên quan đến bà. Nay ông N khởi kiện yêu cầu bà có trách nhiệm cùng với ông N trả số tiền vay 270.000.000 đồng và lãi 56.700.000 đồng thì bà không đồng ý.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2019, bị đơn ông Nguyễn V N trình bày: Ông thừa nhận có vay tiền của ông Lê A N nhiều lần, tổng số tiền vay đúng theo các biên nhận nợ do ông N cung cấp. Chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn VN” trong các biên nhận nợ trên là do ông ký và viết ra. Khi vay thì có thỏa thuận lãi suất nhưng ông không nhớ mức lãi suất là bao nhiêu. Quá trình vay thì ông có đóng lãi cho ông N nhiều lần, nhưng ông không nhớ số tiền ông đóng lãi là bao nhiêu, khi đóng lãi thì không có giấy tờ gì chứng minh. Ông đóng lãi đến khoảng tháng 4/2017 âm lịch thì ông ngưng không đóng lãi nữa và ông đã bỏ nhà đi cho đến nay.

Ông xác định việc ông vay tiền của ông N là do tự ông đứng ra vay để sử dụng vào mục đích cá nhân của ông, vợ của ông là bà Đoàn T H hoàn toàn không hay biết việc ông vay tiền của ông N. Mặc dù khi ông vay tiền của ông N thì vợ chồng ông vẫn sống chung nhà nhưng thời điểm đó thì vợ chồng ông không còn sinh hoạt chung, giao dịch của ai ở bên ngoài thì người đó biết. Do đó, khoản nợ của ông N là thuộc trách nhiệm của ông, không có liên quan đến bà H. Ông đồng ý trả nợ vay và lãi suất tính từ ngày 07/3/2017 theo quy định nhà nước cho đến nay cho ông N.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn V N đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng yêu cầu xem xét trách nhiệm liên đới của bà Đoàn T H để trả nợ cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên

tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn V N có trách nhiệm trả số tiền vay vốn 270.000.000 đồng và lãi suất theo quy định cho ông Lê A N. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N về việc buộc bà Đoàn T H có trách nhiệm liên đới cùng với ông N để trả nợ cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đoàn T H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê A N buộc ông Nguyễn V N và Đoàn T H có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền vay vốn 270.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê A N có cung cấp cho Tòa án các biên nhận nợ gồm:

- Ngày 07 tháng 11 năm 2016 vay 20.000.000 đồng;
- Ngày 08 tháng 11 năm 2016 vay 50.000.000 đồng;
- Ngày 19 tháng 12 năm 2016 vay 100.000.000 đồng;
- Ngày 26 tháng 12 năm 2016 vay 40.000.000 đồng;
- Ngày 01 tháng 01 năm 2017 vay 20.000.000 đồng;
- Ngày 14 tháng 02 năm 2017 vay 20.000.000 đồng;
- Ngày 27 tháng 02 năm 2017 vay 20.000.000 đồng.

Tại các biên nhận nợ nêu trên có thể hiện chữ viết và chữ ký họ tên của người vay là Nguyễn V N. Ông Lê A N xác định khi vay và giao nhận tiền thì chỉ có một mình ông N đứng ra vay và nhận tiền, không có mặt của bà H.

Ông Nguyễn V N thừa nhận có vay tiền của ông Lê A N nhiều lần, tổng số tiền vay là 270.000.000 đồng đúng theo các biên nhận nợ do ông N cung cấp. Chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn V N” trong các biên nhận nợ trên là do ông ký và viết ra.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2019, ông N xác định việc ông vay tiền của ông N là do tự ông đứng ra vay để sử dụng vào mục đích cá nhân của ông, vợ của ông là bà Đoàn T H hoàn toàn không hay biết việc ông vay tiền của ông N. Mặc dù khi ông vay tiền của ông N thì vợ chồng ông vẫn sống chung nhà nhưng thời điểm đó thì vợ chồng ông đã ly thân không còn sinh hoạt chung, giao dịch của ai ở bên ngoài thì người đó biết, khoản nợ của ông N là thuộc trách nhiệm của ông, không có liên quan đến bà H. Tại phiên tòa, ông N thay đổi lời khai cho rằng khoản nợ vay của ông N là nợ chung của vợ chồng ông và bà H, tuy lúc vay thì bà H không biết, ông cũng không có nói với bà H nhưng ông có đem tiền về để lo cho sinh hoạt gia đình. Lời trình bày này của ông N là không

có căn cứ để chấp nhận, ông N không có chứng cứ chứng minh cho khoản vay của ông N là nợ chung của ông và bà H.

Xét lời trình bày của ông N tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2019 phù hợp với lời trình bày của bà H. Do đó, có đủ cơ sở để xác định số tiền vay vốn 270.000.000 đồng là nợ riêng của ông Nguyễn V N nên buộc ông N có trách nhiệm trả cho ông N số tiền vay vốn 270.000.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa, ông N đồng ý trả số tiền vay vốn 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định cho ông N. Tuy nhiên, ông N cho rằng quá trình vay thì ông có đóng lãi cho ông N nhiều lần, nhưng ông không nhớ số tiền ông đóng lãi là bao nhiêu, khi đóng lãi thì không có giấy tờ gì chứng minh. Ông đóng lãi đến khoảng tháng 4/2017 âm lịch thì ông ngưng không đóng lãi nữa. Xét lời trình bày này của ông N là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ: Tại phiên tòa, ông N không thừa nhận có việc đóng lãi như ông N trình bày. Đồng thời, ông N cũng không có chứng cứ nào chứng minh cho việc đóng lãi nêu trên. Do đó, yêu cầu của ông N buộc ông N phải trả tiền lãi của số tiền vay vốn tính từ ngày 07/3/2017 đến ngày 25/12/2018 theo đơn khởi kiện với mức lãi suất 1%/tháng với số tiền 56.700.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

Đối với khoản lãi suất tính từ tháng 01/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, ông N xác định không yêu cầu ông N trả phần lãi suất này, chỉ yêu cầu trả lãi đến ngày 25/12/2018. Xét đây là sự tự nguyện của ông N, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ nhận định nêu trên, buộc ông Nguyễn V N trả cho ông Lê A N số tiền vay vốn 270.000.000 đồng + lãi là 56.700.000 đồng = 326.700.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau là có căn cứ nên được chấp nhận

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông N không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp nên được nhận lại. Ông N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, 464, 465 và 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê A N.

Buộc ông Nguyễn V N trả cho ông N số tiền 326.700.000 đồng (*Ba trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê A N về việc buộc bà Đoàn T H phải có trách nhiệm liên đới với ông Nguyễn Việt Nam để trả cho ông số

tiền 326.700.000 đồng.

Án phí dân sự có giá ngạch:

- Ông Nguyễn V N phải chịu án phí là 16.335.000 đồng (chưa nộp).
- Ông Lê A N không phải chịu án phí. Ngày 02/01/2019 Ông N có dự nộp 8.168.000 đồng theo biên lai số 0001898 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, ông N và ông N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang